

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2021

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGẬP ÚNG PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIÊU THOÁT NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH

Khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ

(Từ ngày 09/07 đến 15/07//2021)

1. Số liệu quan trắc mưa

Đơn vị: mm

TT	Tên trạm	Lượng mưa trong tuần từ 31/6 đến 7h ngày 7/7/2021 (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/- %)			Ghi chú	Lượng mưa thực đo 1 ngày max trong tuần (mm)		
			TBNN	Năm 2020	Năm 2019		(mm)	thời gian xuất hiện	P%
1	Phú Hộ	1,5	-97	-95	-98	Có mưa nhỏ			
2	Việt Trì	0,0	-100	-100	-100	Không có mưa			
3	Tam Đảo	0,5	-99	-99	-100	Mưa không đáng kể			
4	Vĩnh Yên	21,0	-60	-79	-30	Có mưa vừa	21	7/5/2021	
5	Hiệp Hòa	13,0	-78	-72	-62	Có mưa	13	7/5/2021	
6	Bắc Giang	9,0	-82	-84	-34	Có mưa			
7	Bắc Ninh	0,0	-100	-100	-100	Không có mưa			
8	Móng Cái	38,0	-76	-66	-56	Có mưa vừa	33	7/5/2021	
9	Uông Bí	0,2	-100	-100	-100	Mưa không đáng kể			
10	Phủ Liễn	0,3	-99	-98	-100	Mưa không đáng kể			
11	Sơn Tây	22,0	-62	-32	-75	Có mưa	12	7/6/2021	
12	Láng	22,0	-54	-73	-43	Có mưa vừa	22	7/5/2021	
13	Hưng Yên	39,4	-13	+546	+190	Có mưa vừa	39	7/5/2021	
14	Chí Linh	0,0	-100	-100	-100	Không có mưa			
15	Hải Dương	8,4	-83	+147	-12	Có mưa			
16	Nam Định	3,0	-92	-96	-86	Có mưa nhỏ			
17	Văn Lý	10,0	-76	+144	-85	Có mưa			
18	Phủ Lý	19,3	-62	-83	-67	Có mưa vừa	19	7/5/2021	
19	Nho Quan	13,0	-75	-19	-69	Có mưa	13	7/5/2021	
20	Ninh Bình	13,0	-70	-81	-2	Có mưa			
21	Thái Bình	4,0	-90	-87	-74	Có mưa nhỏ			
22	Đông Quý	7,0	-76	+600	-22	Có mưa			

Nguồn: Trung tâm DBKTTV QG

Nhận xét:

- Trong tuần vừa qua, từ ngày 30/6 đến ngày 07/7 trong vùng không mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 0 - 39mm.

- Trong ngày từ 05-06/7, một số nơi trong vùng đã có mưa vừa với lượng mưa phổ biến từ 20-39mm/ngày.

2. Dự báo lượng mưa trong tuần

Đơn vị: mm

TT	Tên trạm	Lượng mưa dự báo từ 9/7 – 15/7/2021	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/- %)			Khuyến Cáo	Lượng mưa dự báo 1 ngày max -2021		
			TBNN	Năm 2020	Năm 2019		(mm)	thời gian xuất hiện	P%
1	Phú Hộ	40,3	-32	-62	+256	Có mưa	14	7/14/2021	
2	Việt Trì	42,9	-21	+165	+31	Có mưa vừa	21	7/14/2021	
3	Tam Đảo	55,7	-34	-	+7	Có mưa vừa	16	7/14/2021	
4	Vĩnh Yên	48,5	-4	-	+138	Có mưa vừa	19	7/14/2021	
5	Hiệp Hòa	36,9	-30	+515	+16	Có mưa			
6	Bắc Giang	32,1	-37	-	+103	Có mưa			
7	Bắc Ninh	34,3	-39	+281	+57	Có mưa			
8	Móng Cái	32,8	-73	+168	-77	Có mưa			
9	Uông Bí	40,1	-37	-	-65	Có mưa	10	7/15/2021	
10	Phủ Liễn	27,5	-45	+451	-30	Có mưa			
11	Sơn Tây	33,1	-52	-	+314	Có mưa	15	7/14/2021	
12	Láng	32,4	-47	+260	-19	Có mưa	11	7/9/2021	
13	Hung Yên	32,3	-32	-	-	Có mưa			
14	Chí Linh	29,5	-44	-	-13	Có mưa			
15	Hải Dương	31,2	-35	-	+95	Có mưa			
16	Nam Định	29,4	-41	+226	+33	Có mưa			
17	Văn Lý	36,6	+4	-	+15	Có mưa			
18	Phủ Lý	35,1	-35	+23	+350	Có mưa	11	7/9/2021	
19	Nho Quan	36,4	-43	-	+1	Có mưa			
20	Ninh Bình	31,1	-39	+183	-45	Có mưa			
21	Thái Bình	30,3	-31	-	+157	Có mưa			
22	Đông Quý	32,6	-32	+307	-9	Có mưa			

Nguồn: Trung tâm DBKTTV QG

Nhận xét:

- Dự Báo vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ, từ ngày 09/7 đến ngày 15/7 có mưa đến mưa vừa lượng mưa dao động từ 28 - 56mm.

- Lượng mưa 1 ngày lớn nhất từ 15 đến 21mm.

3. Mức nước dự báo tại các trạm thủy văn

TT	Tên trạm	Tỉnh	Mức nước Max ngày dự báo (m)							Hmax		Mức nước tương ứng với các cấp báo động (m)		
			09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	(m)	Thời gian	I	II	III
1	Phủ Thọ	Phủ Thọ	12,84	12,69	12,63	12,67	12,66	12,62	12,44	12,84	9/7/2021 00:00	17,5	18,2	19,0
2	Lục Nam	Bắc Giang	1,41	1,59	1,64	1,60	1,54	1,46	1,44	1,64	11/7/2021 02:00			
3	Phủ Lạng Thương	Bắc Giang	1,31	1,48	1,54	1,49	1,44	1,37	1,43	1,54	11/7/2021 04:00	4,3	5,3	6,3
4	Đáp Cầu	Bắc Ninh	1,33	1,56	1,59	1,53	1,46	1,38	1,53	1,59	11/7/2021 03:00	4,3	5,3	6,3
5	Bến Hồ	Bắc Ninh	2,24	2,26	2,15	2,04	1,95	1,83	1,75	2,26	10/7/2021 00:00	6,8	7,5	8,4
6	Phả Lại	Hải Dương	1,81	1,81	1,75	1,77	1,72	1,65	1,60	1,81	10/7/2021 23:00	4,0	5,0	6,0
7	Thượng Cát	Hà Nội	2,51	2,55	2,35	2,19	2,08	1,94	1,82	2,55	10/7/2021 01:00	9,5	10,5	11,5
8	Trung Hà	Hà Nội	8,41	8,35	7,95	7,67	6,84	6,60	5,97	8,41	9/7/2021 07:00	15,0	16,0	17,0
9	Sơn Tây	Hà Nội	4,24	4,26	3,63	3,28	2,77	2,48	2,14	4,26	10/7/2021 03:00	12,4	13,4	14,4
10	Hà Nội	Hà Nội	2,68	2,71	2,53	2,38	2,26	2,13	2,02	2,71	10/7/2021 01:00	9,5	10,5	11,5
11	Hưng Yên	Hưng Yên	2,02	1,98	1,94	1,89	1,84	1,73	1,63	2,02	9/7/2021 22:00	5,5	6,3	7,0
12	Phủ Lý	Hà Nam	1,57	1,62	1,62	1,55	1,47	1,39	1,39	1,62	10/7/2021 01:00	3,0	3,5	4,0
13	Nam Định	Nam Định	1,77	1,76	1,69	1,64	1,62	1,54	1,48	1,77	9/7/2021 21:00	3,2	3,8	4,3
14	Trực Phương	Nam Định	1,77	1,79	1,73	1,68	1,61	1,55	1,53	1,79	10/7/2021 20:00	2,0	2,3	2,6
15	Triều Dương	Thái Bình	1,94	1,92	1,89	1,86	1,80	1,71	1,63	1,94	9/7/2021 22:00	4,9	5,4	6,1
16	Quyết Chiến	Thái Bình	1,90	1,88	1,81	1,76	1,74	1,65	1,57	1,90	9/7/2021 21:00	3,8	4,3	5,0
17	Ninh Bình	Ninh Bình	1,39	1,40	1,35	1,32	1,29	1,24	1,23	1,40	10/7/2021 21:00	2,5	3,0	3,5
18	Bến Đê	Ninh Bình	1,43	1,45	1,42	1,36	1,28	1,21	1,23	1,45	10/7/2021 00:00	3,0	3,5	4,0
19	Gián Khẩu	Ninh Bình	1,39	1,38	1,38	1,32	1,24	1,17	1,18	1,39	9/7/2021 23:00			
20	Như Tân	Ninh Bình	1,40	1,44	1,43	1,43	1,41	1,36	1,27	1,44	10/7/2021 18:00			
21	Bến Triều	Quảng Ninh	1,71	1,71	1,69	1,64	1,61	1,58	1,51	1,71	10/7/2021 21:00	2,2	2,4	2,6
22	Trung Trang	Hải Phòng	1,73	1,75	1,72	1,69	1,66	1,63	1,60	1,75	10/7/2021 21:00	2,0	2,3	2,6

(Cấp báo động theo Quyết định số: 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Nhận xét: Dự báo từ ngày 9/07 đến 15/07, khu vực trung du và đồng bằng Bắc Bộ ở hầu hết các trạm đều có khả năng đạt mức nước cao nhất vào ngày 9-11/7/2021.

4. Mục nước triều

Tên trạm	Thuộc sông	Dự báo Mục nước triều (m)		So sánh mực nước đỉnh triều với cùng kỳ (+/-m)			Đánh giá
		Max	Min	TBNN	Năm 2020	Năm 2019	
Cửa Đáy	Đáy	1,40	-0,74	0,37	0,17	0,34	Htr max cao hơn so với TBNN: 20,9%
Cửa Ninh Cơ	Ninh Cơ	1,58	-0,86	0,20	0,20	0,36	Htr max cao hơn so với TBNN: 11,2%
Cửa Ba Lạt	Hồng	1,82	-0,69	0,44	0,16	0,34	Htr max cao hơn so với TBNN: 19,5%
Cửa Trà Lý	Trà Lý	1,67	-0,94	0,45	0,14	0,28	Htr max cao hơn so với TBNN: 21,2%
Cửa Thái Bình	Thái Bình	1,71	-0,72	0,33	0,14	0,22	Htr max cao hơn so với TBNN: 16,2%
Cửa Văn Úc	Văn Úc	1,70	-0,60	0,32	0,13	0,21	Htr max cao hơn so với TBNN: 15,9%
Cửa Lạch Tray	Lạch Tray	1,64	-0,82	0,26	0,12	0,21	Htr max cao hơn so với TBNN: 13,5%
Cửa Cấm	Cấm	1,60	-0,78	0,22	0,17	0,27	Htr max cao hơn so với TBNN: 12%
Cửa Đá Bạc	Đá Bạc	1,88	-1,23	0,50	0,14	0,27	Htr max cao hơn so với TBNN: 20,9%

Nhận xét: Từ ngày 9/7 đến 15/7, dự báo mực nước triều lớn nhất từ 1-2m. Mực nước triều tại Cửa Đáy, Cửa Ninh Cơ, Cửa Ba Lạt, Cửa Trà Lý, Cửa Thái Bình, Cửa Văn Úc, Cửa Lạch Tray, Cửa Cấm, Cửa Đá Bạc, cao hơn so với TBNN cùng kỳ từ 11-21%.

5. Tình hình vận hành các công trình tiêu nước và diện tích ngập lụt, úng

*** Tình hình sản xuất:** Hiện nay trên toàn lưu vực đang gieo cấy vụ mùa 2021 với diện tích gieo cấy vụ mùa: 316.201ha/677.740ha, diện tích đã gieo thẳng hơn 90.000ha

TT	Tỉnh	Diện tích gieo cấy theo kế hoạch vụ mùa 2021 (ha)			DT đã gieo cấy (ha)	DT gieo thẳng (ha)
		Tổng	Diện tích lúa	Diện tích màu		
1	Bắc Giang	64.500	51.000	13.500	27.832	5.700
2	Hưng Yên	35.846	27.400	8.446	25.070	6.080
3	Hà Nam	39.524	31.078	8.446	32.583	15.652
4	Ninh Bình	35.500	31.690	3.809	18.670	8.400
5	Quảng Ninh	31.091	22.983	8.108	14.300	
6	Hải Dương	64.750	55.250	9.500	42.346	14.014
7	Bắc Ninh	33.850	31.000	2.850	8.857	7.044
8	Hải Phòng	34.800	29.300	5.500	4.100	
9	Vĩnh Phúc	32.000	23.500	8.500	28.110	
10	Phú Thọ	33.630	24.930	8.700	9.210	
11	Hà Nội	97.585	77.957	19.628	43.413	1.803
12	Nam Định	81.665	73.300	8.365	42.710	21.170
13	Thái Bình	93.000	76.000	17.000	19.000	11.000
	Tổng	677.740	555.388	122.352	316.201	90.863

* **Tình hình vận hành:** Trong tuần qua do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, trên địa bàn các tỉnh đã vận hành công trình tiêu với tổng số máy vận hành: 22 trạm * 123 máy; 75 cống. Cụ thể:

- + Bắc Nam Hà: 68 máy * 8 trạm
- + Hà Nội: mở 4 cống Hà Đông, Vân Đình, Nhật Tựu, Diệp Sơn
- + Ninh Bình: 35 máy * 14 trạm; 32 cống: 26 cống dưới đê, 6 cống hồ
- + Nam Định: mở 10 cống tiêu
- + Thái Bình: mở 10 cống
- + Hải Phòng : 19 cống

TT	Địa phương	Vận hành công trình thủy lợi tiêu nước							
		Ngày 7/7/2021				Ngày 8/07/2021			
		Số trạm bơm	Số máy bơm hoạt động	Số cống mở tiêu nước	DT ngập/ảnh hưởng	Số trạm bơm	Số máy bơm hoạt động	Số cống mở tiêu nước	DT ngập/ảnh hưởng
I	Sông Tích - Nhuệ - Đáy			4				4	
	Hà Nội			4				4	
	Hà Nam								
II	Lưu vực sông Châu	9	51			8	68		9736
	Hà Nam	3	20			3	23		
	Nam Định	6	31			5	45		9736
III	Lưu vực Hoàng Long	5	11	70		14	35	32	500
	Ninh Bình	5	11	70		14	35	32	500
IV	Lưu vực Bạch Đằng - Sông Cấm			19				19	
	Hải Dương								
	Hải Phòng			19				19	
	Quảng Ninh								
V	Lưu vực sông Hồng			6				20	13383
	Nam Định			3				10	13083
	Thái Bình			3				10	300

* **Diện ngập úng ngày 8/7/2021:** Toàn vùng có diện tích ngập, sâu nước là: 23.619ha trong đó Ninh Bình 500ha; Nam Định 22.819ha; Thái Bình: 300ha

(Chi tiết mực nước lớn nhất tại các công trình tiêu ở Phụ lục 1)

(Chi tiết tổng hợp vận hành các công trình tiêu theo tỉnh ở Phụ lục 2)

6. Đề xuất, kiến nghị

Vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ, dự báo trong tuần tới có mưa đến mưa vừa dao động từ 28-56mm. Lượng mưa 1 ngày lớn nhất từ 15 đến 21mm, khả năng xuất hiện ngày 09/7 và 14/07/2021.

Đề nghị các Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi, Chi cục Thủy lợi, các tỉnh, thành phố chủ động khơi thông dòng chảy, luồng lạch và vận hành công trình tiêu nước khi có mưa lớn xảy ra./.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 15/07/2021

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

PHỤ LỤC BẢN TIN TUẦN

Phụ lục 1: Dự báo mực nước Max tại các công trình tiêu nước

TT	Vùng	Tỉnh	Số máy/số cửa	Công suất/B công	Mực nước dự báo Max tại các công trình tiêu (m)							Hmax	
					09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	(m)	Thời gian
I	Vùng LV sông Thương và vùng phụ cận												
1	TB. Trúc Tay 1-2	Bắc Giang	8	7800	1,37	1,54	1,57	1,51	1,44	1,37	1,48	1,57	7/11/21 3:00 AM
			34	1000									
2	TB. Ngõ Khổng I-II	Bắc Giang	10	4000	1,37	1,61	1,63	1,57	1,49	1,43	1,59	1,63	7/11/21 4:00 AM
			40	1000									
3	TB. Cống Bún	Bắc Giang	14	7800	1,31	1,47	1,54	1,49	1,43	1,37	1,42	1,54	7/11/21 4:00 AM
			10	1000									
4	TB. Tư Mại	Bắc Giang	6	3000	1,54	1,56	1,59	1,55	1,49	1,42	1,42	1,59	7/11/21 12:00 AM
			3	6000									
II	Vùng LV sông Hoàng Long												
1	TB Gia Viễn	Ninh Bình	12	8000	1,39	1,42	1,40	1,34	1,27	1,19	1,20	1,42	7/10/21 1:00 AM
2	TB Khánh Công	Ninh Bình	11	4000	1,48	1,52	1,50	1,47	1,42	1,37	1,31	1,52	7/10/21 7:00 PM
3	TB Chính Tâm	Ninh Bình	11	4000	1,46	1,51	1,49	1,48	1,44	1,38	1,29	1,51	7/10/21 7:00 PM
4	TB Gia Trần	Ninh Bình	11	1000	1,38	1,39	1,38	1,32	1,25	1,17	1,18	1,39	7/10/21 12:00 AM
			5	3700									
5	TB Bạch Cừ	Ninh Bình	12	4000	1,39	1,39	1,38	1,34	1,30	1,24	1,23	1,39	7/9/21 11:00 PM
6	TB Liễu Tường	Ninh Bình	11	1000	1,48	1,52	1,50	1,47	1,41	1,36	1,32	1,52	7/10/21 7:00 PM
7	TB Quy Hậu	Ninh Bình	11	4000	1,45	1,49	1,47	1,46	1,43	1,38	1,28	1,49	7/10/21 7:00 PM
III	Vùng LV sông Châu												
1	TB Như Trác	Hà Nam	6	11000	1,53	1,27	0,98	0,91	1,26	1,55	1,71	1,71	7/8/21 9:00 PM
2	TB Hữu Bị	Nam Định	4	32000	1,48	1,22	0,94	0,89	1,22	1,50	1,65	1,65	7/8/21 9:00 PM
3	TB Cổ Đàm	Nam Định	7	32000	1,01	0,85	0,66	0,64	0,81	0,97	1,07	1,07	7/8/21 11:00 PM
4	TB Nhâm Tràng	Hà Nam	6	11000	1,03	0,86	0,66	0,64	0,81	0,95	1,05	1,05	7/8/21 11:00 PM
5	TB Cốc Thành	Nam Định	7	32000	1,32	1,10	0,86	0,79	1,06	1,33	1,49	1,49	7/8/21 8:00 PM
6	TB Vĩnh Trị	Nam Định	3	29500	1,09	0,93	0,74	0,64	0,83	1,07	1,21	1,21	7/8/21 7:00 PM
7	TB Kinh Thanh	Hà Nam	12	4000	1,02	0,85	0,66	0,64	0,81	0,96	1,07	1,07	7/8/21 11:00 PM

TT	Vùng	Tỉnh	Số máy/số cửa	Công suất/B công	Mức nước dự báo Max tại các công trình tiêu (m)							Hmax	
					09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	(m)	Thời gian
8	TB Quỳ Độ	Nam Định	12	4000	1,03	0,86	0,69	0,64	0,81	1,00	1,13	1,13	7/8/21 9:00 PM
9	TB Sông Chanh	Nam Định	34	4000	1,20	1,01	0,78	0,67	0,92	1,20	1,37	1,37	7/8/21 7:00 PM
IV	Vùng LV sông Bạch Đằng - sông Cấm												
1	TB Chu Đậu	Hải Dương	7	8000	1,84	1,83	1,78	1,79	1,75	1,68	1,62	1,84	7/9/21 10:00 PM
2	C. Bích Động	Hải Phòng	3*6	22	1,61	1,64	1,61	1,57	1,54	1,48	1,44	1,64	7/10/21 8:00 PM
3	C. Trần Dương 1	Hải Phòng	3*6	25	1,64	1,65	1,63	1,61	1,58	1,53	1,52	1,65	7/10/21 9:00 PM
4	C. Dương Áo	Hải Phòng	1*6; 4*3	37,8	1,70	1,71	1,69	1,68	1,66	1,61	1,51	1,71	7/10/21 8:00 PM
5	C. Minh Đức	Hải Phòng	2*4	22,8	1,90	1,92	1,91	1,90	1,88	1,83	1,69	1,92	7/10/21 7:00 PM
6	C. Bính Động	Hải Phòng	1*6; 5*3	33,8	1,66	1,68	1,66	1,63	1,60	1,59	1,56	1,68	7/10/21 9:00 PM
7	C. Cỗ Tiểu 3	Hải Phòng	4*7.5	82	1,70	1,71	1,70	1,68	1,66	1,62	1,51	1,71	7/10/21 7:00 PM
8	C. Cỗ Tiểu 2	Hải Phòng	6*3; 1*8	72,5	1,70	1,71	1,70	1,68	1,66	1,62	1,51	1,71	7/10/21 7:00 PM
9	C. Cái Tắt	Hải Phòng	4*6	54,32	1,71	1,71	1,69	1,68	1,65	1,57	1,58	1,71	7/9/21 8:00 PM
V	Vùng LV sông Tích - Nhuệ - Đáy												
1	TB Quế I-II	Hà Nam	16	8000	1,37	1,43	1,42	1,36	1,28	1,19	1,20	1,43	7/10/21 1:00 AM
2	TB Ngoại Độ 1-2	Hà Nội	5	22000	1,36	1,46	1,46	1,38	1,29	1,20	1,21	1,46	7/11/21 2:00 AM
3	TB Khai Thái	Hà Nội	3	25000	2,09	2,07	2,02	1,95	1,89	1,77	1,68	2,09	7/9/21 10:00 PM
4	TB Yên Lệnh	Hà Nam	3	27000	2,02	1,98	1,94	1,90	1,84	1,73	1,63	2,02	7/9/21 10:00 PM
5	TB Vân Đình	Hà Nội	28	8000	1,35	1,51	1,51	1,42	1,31	1,21	1,24	1,51	7/11/21 3:00 AM
6	TB Sắn	Hà Nội	10	4000	3,28	3,31	3,26	3,10	2,95	2,92	3,01	3,31	7/10/21 5:00 AM
7	Cổng Lương Cỗ	Hà Nam	36										
8	Cổng Phú Lý	Hà Nam	9		1,37	1,42	1,42	1,35	1,27	1,19	1,19	1,42	7/10/21 1:00 AM
VI	Vùng LV sông Hồng												1,74
1	C. Trà Linh I-II	Thái Bình	8*7		1,72	1,74	1,74	1,71	1,68	1,64	1,52		10/7/21 6:00 PM
2	C. Lân I-II	Thái Bình	8*8		1,75	1,77	1,75	1,73	1,70	1,65	1,54	1,77	10/7/21 7:00 PM
3	C. Hệ	Thái Bình	1*4.6		1,75	1,77	1,75	1,70	1,72	1,66	1,61	1,77	10/7/21 10:00 PM
4	C. Quần Vinh	Nam Định	14		1,54	1,58	1,59	1,56	1,53	1,47	1,36	1,59	10/7/21 5:00 PM
5	C. Đại Tám	Nam Định	8		1,59	1,63	1,61	1,57	1,53	1,48	1,37	1,63	10/7/21 6:00 PM

TT	Vùng	Tỉnh	Số máy/số cửa	Công suất/B công	Mức nước dự báo Max tại các công trình tiêu (m)							Hmax	
					09/07	10/07	11/07	12/07	13/07	14/07	15/07	(m)	Thời gian
VII	Vùng LV sông Luộc												
1	TB Triều Dương A-B	Hưng Yên	9	8000	1,94	1,92	1,90	1,86	1,80	1,72	1,63	1,94	7/9/21 10:00 PM
2	TB Mai Xá A-B	Hưng Yên	14	8000	1,91	1,90	1,89	1,86	1,81	1,73	1,66	1,91	7/9/21 11:00 PM
3	TB Kênh Vàng 2	Bắc Ninh	20	8000	1,85	1,84	1,79	1,80	1,75	1,69	1,62	1,85	7/9/21 10:00 PM
4	TB Văn Thái	Hải Dương	6	11600	1,84	1,84	1,79	1,79	1,75	1,69	1,62	1,84	7/9/21 10:00 PM
5	TB Nghi Xuyên	Hưng Yên	11	18000	2,10	2,08	2,03	1,96	1,89	1,78	1,68	2,10	7/9/21 11:00 PM
6	TB My Động	Hải Dương	10	8000	1,89	1,89	1,88	1,85	1,82	1,74	1,68	1,89	7/9/21 11:00 PM
7	TB Đò Hàn	Hải Dương	12	4000	1,82	1,82	1,77	1,77	1,74	1,67	1,60	1,82	7/9/21 10:00 PM
8	C. Cầu Xe	Hải Dương	25		1,73	1,74	1,71	1,69	1,66	1,62	1,60	1,74	7/10/21 9:00 PM
9	C. An Thổ	Hải Dương	8*6		1,72	1,74	1,71	1,66	1,67	1,62	1,57	1,74	7/10/21 10:00 PM
VIII	Vùng LV sông Cà Lồ - Ngũ Huyện Khê												
1	TB Vọng Nguyệt	Bắc Ninh	12	3000	1,39	1,63	1,65	1,58	1,51	1,44	1,61	2,52	7/19/21 11:00 AM
2	TB Cao Đại	Vĩnh Phúc	5	4000	5,52	5,42	4,72	4,43	3,85	3,52	3,18	5,52	7/9/21 1:00 PM
3	TB Kim Đôi 1	Bắc Ninh	5	10800	1,35	1,55	1,59	1,52	1,45	1,38	1,51	2,50	7/19/21 2:00 PM
4	TB Hiền Lương	Bắc Ninh	9	10800	2,00	1,95	1,94	1,89	1,84	1,75	1,67	2,00	7/9/21 11:00 PM
5	TB Tân Chi 2	Bắc Ninh	4	14000	2,24	2,26	2,15	2,04	1,95	1,83	1,75	2,26	7/10/21 12:00 AM
IX	Vùng LV sông Lô và vùng phụ cận												
1	TB. Lê Tính	Phú Thọ	13	8000	7,77	7,70	7,28	7,04	6,25	5,99	5,50	7,77	7/9/21 8:00 AM
2	TB. Lò Lợn	Phú Thọ	15	2500	12,84	12,69	12,63	12,67	12,66	12,62	12,44	12,84	7/9/21 12:00 AM
			9	1000									
3	TB. Đông Nam Việt Trì (Cầu Gân)	Phú Thọ	6	8000	6,10	5,93	5,20	4,94	4,38	4,12	3,72	6,10	7/9/21 1:00 PM

Phụ lục 2: Tổng hợp vận hành các công trình tiêu vùng Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ từ ngày 7/7 đến 8/7/2021

TT	Địa phương	Vận hành công trình thủy lợi tiêu nước							
		Ngày 07/07/2021				Ngày 08/7/2021			
		Số trạm bơm	Số máy bơm hoạt động	Số cống mở tiêu nước	DT ngập	Số trạm bơm	Số máy bơm hoạt động	Số cống mở tiêu nước	DT ngập
1	Nam Định			3				10	13083
2	Ninh Bình	5	11	70		14	35	32	500
3	Hà Nội			4				4	
4	Thái Bình			3				10	300
5	Hải Phòng			19				19	
6	Công ty Bắc Nam Hà	9	51			8	68		9736
	Cộng	14	62	99		22	103	75	23619